

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 7 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tr tự nguyện sống chung từ năm 1990, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Tr đã ly thân từ khoảng tháng 11/2019 đến nay do sống chung không hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà và ông Tr có 02 người con chung là Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 18/4/1991 và Nguyễn Hoài M, sinh ngày 19/5/1992. Do hai người con chung

đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông trình bày thống nhất với lời khai của bà H về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có hai người con chung như bà H trình bày là đúng. Do hai người con chung đã thành niên nên ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy bà H và ông Tr tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa bà H và ông Tr là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Tr.

+ Về con chung, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr, ông Tr đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà H và ông Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà H và ông Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy bà H và ông Tr có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng bà H và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và đã có con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà H và ông Tr là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Nay bà H yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà H và ông Tr là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà H và ông Tr thống nhất có hai người con chung là Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 18/4/1991 và Nguyễn Hoài M, sinh ngày 19/5/1992. Do cháu Th và cháu M đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà H và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Bà H và ông Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004700 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly